Triết Học Phật Giáo Nguyên Thủy (A-tì-đàm)

Tác Giả: **Tadeusz Skorupski**

Lời Mở Đầu

Trong nhiều thế kỷ sau khi Đức Phật nhập diệt, hoạt động của Tăng đoàn tại Ấn Độ được ghi chép lại khá ít ỏi. Tuy nhiên, có thể thấy rõ rằng các đệ tử của Ngài đã nỗ lực kết tập và hệ thống hóa giáo pháp của Đức Phật. Việc thu thập ấy dần dần hình thành hai tạng: **Luật và Kinh**. Còn quá trình hệ thống hóa giáo pháp thì lại dẫn đến nhiều tranh luận, khiến Tăng đoàn chia thành nhiều bộ phái, mỗi bộ phái lại biên soạn các bản A-tì-đàm mang sắc thái riêng. Thông thường, Tam tạng gồm Luật, Kinh và A-tì-đàm được xem là lời Phật dạy. Nhưng riêng với A-tì-đàm, các nghiên cứu lịch sử và văn bản cho thấy nó chỉ hình thành đầy đủ thành một tạng riêng sau nhiều thế kỷ. Người ta thường nói A-tì-đàm là cách hệ thống hóa giáo pháp của Đức Phật, nhưng thật ra nó còn vượt ra ngoài ý nghĩa đó. A-tì-đàm là cả một kho tàng kinh điển và tư tưởng. Về mặt văn bản, nguồn gốc của A-tì-đàm được cho là khởi đi từ những bảng pháp yếu để dễ ghi nhớ gọi là mātikā (trong tiếng Pāli). Những bảng đơn giản này đã có mặt từ trong Kinh tạng, chẳng hạn như trong bài Kinh Saṅgīti và Dasuttara thuộc Trường Bộ. Từ đó, các vị trưởng lão trong giáo pháp phát triển thêm nhiều bảng khác, gom góp và sắp xếp lại để làm nền tảng cho giáo lý và thực hành. Những giai đoạn hình thành A-tì-đàm tạng như ta biết ngày nay vẫn còn là điều khá mờ mịt. Về giáo lý, A-tì-đàm không chỉ đơn thuần là sự sắp xếp lại lời dạy cũ. Bên cạnh việc giữ gìn giáo pháp, A-tì-đàm mở ra một hướng tiếp cận mới trong cách phân tích và nhìn nhận các hiện tượng tồn tại. Một trong những điểm nổi bật là A-tì-đàm nhắm đến việc phân loại toàn bộ thế giới hiện hữu dựa trên các yếu tố cơ bản gọi là các pháp (dharmas). Các pháp được chia thành hai loại: hữu vi và vô vi, và được liên hệ với ba cõi trong vũ trụ quan Phật giáo. Các pháp hữu vi được phân tích dựa trên mặt đạo đức và các đặc tính khác, rồi được nhóm lại thành các loại. A-tì-đàm phân biệt rõ ràng giữa các pháp làm tăng trưởng luân hồi, khổ đau và những pháp đưa người hành giả đến giải thoát, đạt đến trạng thái vô vi là Niết-bàn. Các bậc hành giả A-tì-đàm cũng phát triển những lý thuyết mới và vạch ra các giai đoạn thực hành rõ ràng trên con đường giác ngộ. Vì vậy, có thể nói A-tì-đàm là một bước tiến mới trong tư duy Phật giáo, vừa được quy chiếu về lời dạy từ Đức Phật, vừa được xem là phần giáo lý sâu sắc nhất.

Các Bộ A-tì-đàm Tạng Hiện Còn

Thuật ngữ chuyên môn abhidharma là một danh từ ghép, gồm hai thành tố abhi và dharma. Theo các nguồn tài liệu liên quan, từ này mang hai ý nghĩa chính:

(1) **abhi**: liên quan đến, xoay quanh, hay hướng đến dharma – giáo pháp;

(2) **abhi**: tối thượng hay cao siêu, kết hợp với dharma – giáo pháp.

Trong khi ý nghĩa đầu được phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda) ưa dùng, thì truyền thống Theravāda lại thiên về cách hiểu thứ hai. Khi kết hợp cả hai cách hiểu, ta thấy rõ rằng abhidharma là cách gọi một hệ thống trình bày giáo pháp được kết tập và hệ thống hóa, làm rõ ràng những điểm giáo lý đã được diễn đạt dưới nhiều hình thức khác nhau trong các bài giảng của Đức Phật và các vị đệ tử trực tiếp của Ngài. Trong phần mở đầu của bộ A-tì-đàm tàng luận (Abhidharmakośa), ngài Thế Thân (Vasubandhu) phân biệt giữa A-tì-đàm là trí tuệ vô lậu (anāsrava prajñā), và A-tì-đàm là các bộ luận (śāstra) tức những kho tàng trí tuệ giúp người hành giả đạt đến trí tuệ vô lậu. Ngài cho rằng Đức Phật là bậc đã giảng dạy A-tì-đàm tối hậu, còn các bộ luận thuộc A-tì-đàm tạng là sản phẩm do con người trước tác. Hiện không thể xác định chắc chắn rằng mọi bộ phái thuở đầu đều có tạng A-tì-đàm riêng, nhưng một số nguồn cho thấy đã từng tồn tại các văn bản A-tì-đàm của nhiều bộ phái khác nhau, có nơi ghi lại là bảy bộ phái.

Đáng tiếc là ngày nay chỉ còn ba bộ A-tì-đàm tạng hoàn chỉnh được bảo tồn:

(1) của phái Theravāda,

(2) phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda),

(3) và một bộ được cho là của phái Pháp tạng bộ (Dharmaguptaka).

Phần trình bày này chủ yếu đề cập đến A-tì-đàm tạng của Theravāda và Nhất thiết hữu bộ, và phần nào nhắc đến một bộ luận A-tì-đàm của Pháp tạng bộ.

A-tì-đàm Tạng Của Phái Theravāda

Theo các nguồn tài liệu liên quan, Tam tạng của phái Theravāda đã được ghi chép lại vào nửa sau thế kỷ 1 trước Tây lịch. Tuy nhiên, những gì thực sự được ghi lại chỉ được xác nhận đầy đủ vào thế kỷ 5 sau Tây lịch, thời điểm ngài Buddhaghosa biên soạn các chú giải của mình. A-tì-đàm tạng của phái Theravāda gồm bảy bộ sách hay bộ luận, và vẫn được bảo tồn bằng tiếng Pāli, ngôn ngữ bản địa của Ấn Độ. Truyền thống này cho rằng A-tì-đàm tạng là do chính Đức Phật thuyết giảng, cả về nguồn gốc lịch sử lẫn hình thức văn học. Theo ngài Buddhaghosa, thứ tự tuần tự của bảy bộ A-tì-đàm như sau:

(1) Dhammasaṅgaṇi,

(2) Vibhaṅga,

(3) Dhātukathā,

(4) Puggalapaññatti,

(5) Kathāvatthu,

(6) Yamaka,

(7) và Paṭṭhāna.

Các bản văn Pāli của bảy bộ A-tì-đàm đã được biên tập và xuất bản bởi Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli (Pali Text Society). Năm trong số bảy bộ A-tì-đàm này đã được dịch sang tiếng Anh và xuất bản bởi Pali Text Society. Bộ Dhammasaṅgaṇi được dịch bởi Rhys Davids vào năm 1993, Vibhaṅga bởi Thiṭṭila vào năm 1988, Dhātukathā bởi Nārada vào năm 1995, Puggalapaññatti bởi Law vào năm 1992, và Kathāvatthu bởi Aung và Davids vào năm 1993. Chỉ phần đầu của bộ Paṭṭhāna đồ sộ đã được dịch trong tác phẩm của Nārada từ 1969–1981. Bộ Yamaka vẫn chưa được dịch, nhưng đã có các bản tóm tắt, một trong số đó được Lang xuất bản năm 1996.

Aung, S. Z., và Caroline A. F. Rhys Davids, dịch. Kathāvatthu: Các Điểm Tranh Cãi. London: Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli, 1993.

Bộ luận này được cho là của ngài Moggaliputta Tissa, người đã công bố tại kết thúc hội nghị Pāṭaliputta vào thế kỷ 3 trước Tây lịch. Nó bác bỏ khoảng 250 tranh cãi về giáo lý. Bộ luận này bảo vệ quan điểm chính thống của Tăng đoàn Trưởng lão (sthaviranikāya). Nó giả định sự tồn tại của Dhammasaṅgaṇi và Vibhaṅgha như những nguồn tham khảo giải quyết các tranh cãi giáo lý. Phiên bản đầu tiên được xuất bản vào năm 1915.

Law, B. C., dịch. Puggallapaññatti: Phân Loại Các Loại Người. London: Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli, 1992.

Bộ văn này trình bày các loại người (puggala), phân nhóm họ từ một đến mười. Thuật ngữ puggala không chỉ ra một thực thể cụ thể nào, mà chỉ là một khái niệm (paññatti) mà không có thực tại. Vì bộ văn này có nguồn gốc rõ ràng từ bộ Kinh, một số học giả cho rằng nó có thể thuộc về những tài liệu A-tì-đàm sớm nhất. Phiên bản đầu tiên được xuất bản vào năm 1924.

Nārada, U., dịch. Paṭṭhāna: Duyên Hệ Nhân Quả. 2 tập. London: Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli, 1969–1981.

Tác phẩm này, do ngài U Nārada dịch một phần, là bộ kinh dài nhất trong bảy bộ A-tì-đàm của Theravāda. Nội dung xoay quanh hai mươi bốn duyên – những điều kiện chi phối sự tương tác của mọi hiện tượng hữu vi. Mục tiêu chính là trình bày rõ mối liên hệ giữa nhân và quả. Về

cơ bản, bộ luận này khai triển các pháp đã được phân loại trong Dhammasaṅgaṇi, nhưng dưới ánh sáng của hai mươi bốn duyên này.

Nārada, U., dịch. Dhātukathā: Luận Về Các Giới. London: Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli, 1995.

Bộ luận gồm mười bốn chương này trình bày mối tương quan giữa các hiện tượng (pháp) với năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới. Mục đích là nhằm phá trừ những quan niệm sai lầm về một cái "ngã" hay bản ngã (attā). Vì thế, văn bản này tập trung phân tích các hiện tượng thuộc ba hệ thống phân loại vừa nêu, nhưng đều không mang tính tự ngã (anattā). Ấn bản đầu tiên xuất bản năm 1962.

Rhys Davids, Caroline A. F., dịch. Dhammasaṅgaṇi: Đạo Đức Tâm Lý Phật Giáo. London: Hội Nghiên Cứu Á Châu Hoàng Gia, 1993.

Bộ này cung cấp bảng phân loại chi tiết về các hiện tượng tâm lý và vật lý trong đời sống. Phần lớn nội dung tập trung vào việc phân tích các tâm và các tâm sở, dựa trên phẩm chất đạo đức của chúng, cũng như liên hệ với ba cõi trong vũ trụ quan Phật giáo. Ấn bản đầu tiên ra đời năm 1900.

Thiṭṭila, U., dịch. Vibhaṅga: Luận Giải Phân Tích. London: Hội Nghiên Cứu Và Xuất Bản Kinh Điển Pāli, 1988.

Tác phẩm này gồm mười tám chương, mỗi chương phân tích một chủ đề riêng biệt như năm uẩn, bốn chân lý Thánh, thập nhị nhân duyên, bốn niệm xứ và các loại trí tuệ. Phương pháp phân tích dựa theo ba lối:

(1) phương pháp kinh điển (sutta),

(2) A-tì-đàm,

(3) và hình thức vấn đáp.

Ấn bản đầu tiên xuất bản năm 1969.

A-tì-đàm Tạng Của Phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda)

A-tì-đàm tạng của phái Nhất thiết hữu bộ cũng gồm bảy bộ sách, do các vị Vaibhāṣika thuộc phái này biên soạn tại vùng Kashmir vào khoảng thế kỷ thứ 2 SCN. Các bản gốc bằng ngôn ngữ Ấn Độ nay đã thất truyền, chỉ còn bản dịch Hán văn được thực hiện vào thế kỷ thứ 7. Dù các vị Vaibhāṣika thừa nhận rằng những bộ luận này do các vị đạo sư nhất định biên soạn, họ vẫn cho rằng rốt cuộc, A-tì-đàm tạng đều được quy chiếu về lời dạy từ Đức Phật. Tuy nhiên, một số bộ phái khác – đặc biệt là Kinh lượng bộ (Sautrāntika) – không chấp nhận điều này. Trong hệ thống bảy bộ luận, Jñānaprasthāna được xem là phần trung tâm (thân), còn sáu bộ còn lại là phần phụ trợ (chân):

(1) Prakaraṇapāda,

(2) Vijñānakāya,

(3) Dharmaskandha,

(4) Prajñaptiśāstra,

(5) Dhātukāya,

(6) và Saṅgītiparyāya.

Trong số này, sáu bộ được bảo tồn đầy đủ bằng Hán văn, riêng Prajñapti chỉ còn bản không trọn vẹn; tuy nhiên, một bản dịch Tây Tạng hoàn chỉnh vẫn còn tồn tại. Trong các ngôn ngữ phương Tây, chỉ có Saṅgītiparyāya được dịch sang tiếng Đức bởi Stache-Rosen vào năm 1968.

Dharmaskandha: Tập Hợp Các Pháp. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1537.

Bộ luận này (Tập hợp các pháp) được gán cho ngài Xá-lợi-phất (Śāriputra) hoặc ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmaudgalyāyana). Nội dung tập trung trình bày ba mươi bảy phẩm trợ đạo (bodhipākṣika-dharma), và được xem là một trong những hệ thống hóa sớm nhất về con đường tu tập. Bộ luận này cũng là nơi khởi xướng sự phân biệt giữa hai giai đoạn hành trì:

> Con đường thấy đạo (darśana-mārga) và con đường tu đạo (bhāvanā-mārga), vốn là trọng tâm trong giáo lý tu tập của phái Nhất thiết hữu bộ.

Dhātukāya: Tập Hợp Các Giới. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1540.

Bộ luận này (Tập hợp các giới) được cho là của ngài Phú-lâu-na (Pūrṇa) hoặc ngài Tu-ma-mật-đa (Vasumitra). Nội dung là các hệ thống phân loại nhằm nhóm các trạng thái tâm lý. Phần đầu trình bày một bảng phân loại gồm chín mươi mốt loại tâm (citta) và các tâm sở (caitta), được sắp lại thành mười bốn nhóm. Phần sau phân tích sự tương ứng giữa các trạng thái tâm thuộc những nhóm đó.

Jñānaprasthāna: Nền Tảng Của Trí Tuệ. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1544.

Bộ luận này (Nền tảng của trí tuệ) được gán cho ngài Ca-chiên-diên tử

(Kātyāyanīputra). Đây là một trình bày có hệ thống và hoàn chỉnh về giáo lý và thực hành của phái Nhất thiết hữu bộ. Tác phẩm gồm tám phần, trình bày các chủ đề như phiền não, trí tuệ, nghiệp, các tầng thiền định và tuệ tri. Các phần này phản ánh toàn diện mô hình tu chứng của Nhất thiết hữu bộ. Bộ luận này cũng xác lập một hệ thống sáu nhân (hetu) không có trong các văn bản A-tì-đàm sớm hơn.

Prajñaptiśāstra: Luận Về Giả Danh. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1538.

Bộ luận này (Giả danh luận) được gán cho ngài Mục-kiền-liên (Maudgalyāyana). Nội dung chia thành ba phần:

(1) phần đầu luận bàn các giả thuyết về nguồn gốc thế giới;

(2) phần hai phân tích các điều kiện nhân duyên chi phối tiến trình hành đạo của Bồ-tát;

(3) phần ba trình bày tổng quát về thuyết nhân quả đạo đức và kết quả của nó.

Bản dịch Tây Tạng đầy đủ hiện còn trong Derge Tanjur, mục lục Tōhoku số 4086, 4087 và 4088.

Prakaraṇapāda: Luận Giải Tổng Quát. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1542.

Bộ luận này (Luận giải) được gán cho ngài Tu-ma-mật-đa (Vasumitra). Nội dung củng cố hệ thống phân loại năm phần của phái Nhất thiết hữu bộ, gồm:

(1) sắc (rūpa),

(2) tâm (citta),

(3) tâm sở (caitta),

(4) pháp không tương ưng với tâm (cittaviprayukta),

(5) và pháp vô vi (asaṃskṛta).

Hệ thống này cũng được các phái Kinh lượng bộ (Sautrāntika) và Đại thừa chấp nhận, và được xem là mô hình hệ thống hóa giáo lý cuối cùng của Nhất thiết hữu bộ.

Saṅgītiparyāya: Luận Về Hợp Tụ. Stache-Rosen, Valentina, dịch. Saṅgītiparyāya: Das Saṃgītisūtra und sein Kommentar Saṃgītiparyāya. 2 tập. Dogmatische Begriffsreihen im älteren

Buddhismus 2. Berlin: Akademie-Verlag, 1968.

Tùy theo nguồn, bộ luận này (Luận hợp tụ) được gán cho ngài Ma-ha-câu-hy-la (Mahākauṣṭhila) hoặc ngài Xá-lợi-phất (Śāriputra). Đây là bản chú giải cho Saṅgīti-sūtra, gồm nhiều bảng liệt kê pháp được sắp xếp hệ thống từ một đến mười. Tác phẩm gồm mười phần, bao gồm khoảng hai trăm nhóm pháp. Nhiều học giả xem đây là một trong những bộ A-tì-đàm cổ xưa nhất. Bản Hán dịch hiện còn trong Tạng Đại Chánh Tân Tu, số 1536.

Vijñānakāya: Tập Luận Về Thức. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1539.

Bộ luận này (Tập luận về thức) được gán cho ngài Thiên Thích (Devaśarman).

(1) Phần đầu trình bày lập luận đầy đủ nhằm chứng minh một trong những giáo lý nền tảng của Nhất thiết hữu bộ:

> Tất cả các pháp đều hiện hữu (sarva-asti) trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

(2) Phần tiếp theo bác bỏ tà kiến về một bản ngã thật có.

(3) Những phần sau tiếp tục khảo sát các loại nhân duyên khác nhau cùng một số học thuyết liên quan.

A-tì-đàm Luận Của Ngài Xá-lợi-phất (Pháp tạng bộ)

Tác phẩm này không rõ tác giả chính xác, nhưng phần lớn các học giả Phật giáo cho rằng nó có nguồn gốc từ bộ phái Pháp tạng (Dharmaguptaka). Tác phẩm hiện chỉ còn bản dịch Hán văn, được hoàn thành vào đầu thế kỷ thứ 5. Theo Bareau (1950), đây là một bộ luận có quy mô lớn, trình bày toàn diện về giáo lý A-tì-đàm. Yoshimoto (1996) đã tóm lược nội dung chính của bộ luận, còn Matsuda (2002) xác định được ba mảnh bản thảo Phạn văn có nội dung tương ứng với bản dịch Hán văn. Bareau cũng phân tích lập trường giáo lý của bộ luận để xác định bộ phái nơi nó xuất thân.

Bareau, André. “Les Origines du Śāriputrābhidharmaśāstra.” Le Muséon 63.1–4 (1950): 69–95.

Trong bài viết này, Bareau cố gắng xác định bộ phái có thể đã biên soạn Śāriputra Abhidharma Śāstra. Ông so sánh các quan điểm giáo lý trong luận này với các hệ phái Phật giáo sơ kỳ, và sau khi loại trừ những trường phái có tư tưởng bất đồng, ông kết luận rằng bộ luận rất có thể xuất phát từ Pháp tạng bộ.

Matsuda, Kazunobu. "Ba Mảnh Bản Thảo Liên Quan Đến A-Tì-Đàm Của Ngài Xá-Lợi-Phất." Trong Buddhist Manuscripts, Tập 2, do Jens Braarvig biên tập, trang 239–248. Manuscripts in the Schøyen Collection 3. Oslo: Hermes, 2002.

Matsuda chỉnh lý và phân tích ba mảnh bản thảo Phạn văn có nội dung tương đồng với một đoạn trong bản Hán dịch của bộ luận này. Phiên bản chỉnh sửa cùng ảnh bản thảo được in trong Dấu Tích Của Phật Giáo Gandhāra: Triển Lãm Các Bản Thảo Phật Giáo Cổ Trong Bộ Sưu Tập Schøyen (Braarvig & Liland, 2010), trang 46–49.

Śāriputra Abhidharma Śāstra. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha, 1924–1934, số 1548.

Bộ luận này gồm ba mươi quyển (chüan), được dịch sang tiếng Hán vào đầu thế kỷ thứ 5.

Yoshimoto, Shingyo. "Śāriputra Abhidharma Śāstra." Trong Phật Giáo A-Tì-Đàm Giai Đoạn Trước Năm 150 Tây Lịch, do Karl H. Potter chủ biên, cùng Robert E. Buswell Jr., Padmanabh S. Jaini và Noble Ross Reat, trang 317–325. Bách Khoa Thư Về Triết Học Ấn Độ, Tập 7. Delhi: Motilal Banarsidass, 1996.

Yoshimoto cung cấp bản tóm lược nội dung chính của bộ luận và giới thiệu bản dịch Nhật ngữ từ bản Hán văn do Baiyu Watanabe thực hiện.

Các Hướng Dẫn Tóm Lược Về A-tì-đàm Tạng

Những ấn phẩm liệt kê trong phần này nhằm hỗ trợ người đọc tiếp cận nội dung và cấu trúc của bảy bộ A-tì-đàm trong hai tạng A-tì-đàm của Theravāda và Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda). Norman (1983) và Hinüber (1996) phác thảo cấu trúc và nội dung tổng quát của các bộ A-tì-đàm thuộc truyền thống Theravāda. Nārada (1979, 1986) cung cấp hướng dẫn giới hạn nhưng mang tính trọng yếu cho bộ Paṭṭhāna. Nyanatiloka (2007) trình bày một bản hướng dẫn chi tiết về toàn bộ A-tì-đàm tạng của Theravāda. Takakusu (1904–1905) phác thảo nội dung các bộ luận A-tì-đàm của phái Nhất thiết hữu bộ. Buswell và Lopez (2013) cung cấp các mục từ chất lượng cao về từng bộ A-tì-đàm trong hai truyền thống này. Potter (1996) tóm lược nội dung toàn bộ các bộ A-tì-đàm hiện còn.

Buswell, Robert E., Jr., và Donald S. Lopez Jr. Từ Điển Phật Học Princeton. Princeton, NJ & Oxford: Nhà Xuất Bản Đại Học Princeton, 2013.

Từ điển này có một mục từ riêng về A-tì-đàm tạng, cùng các mục phân tích về từng bộ trong A-tì-đàm tạng của Theravāda và Sarvāstivāda.

Hinüber, Oskar von. Cẩm Nang Văn Học Pāli. Trong Ngữ Văn Ấn Độ Và Nghiên Cứu Nam Á 2. Berlin & New York: Walter de Gruyter, 1996.

Sách này cung cấp cái nhìn toàn diện về di sản văn học Theravāda, bao gồm các bản ấn hành, bản dịch của các tác phẩm chính tạng và hậu tạng, cùng các chú giải. Ngoài ra, tác phẩm còn trình bày lịch sử nghiên cứu về văn học Theravāda.

Nārada, U. Hướng Dẫn Về Các Mối Quan Hệ Duyên Khởi (Paṭṭhāna). Phần 1. London: Pali Text Society, 1979.

Cung cấp hướng dẫn cho các trang 1–12 của bộ Paṭṭhāna.

Nārada, U. Hướng Dẫn Về Các Mối Quan Hệ Duyên Khởi (Paṭṭhāna). Phần 2. Rangoon, Miến Điện: Nhà Xuất Bản Bộ Tôn Giáo, 1986.

Cung cấp hướng dẫn cho các trang 13–141 của bộ Paṭṭhāna. Một số bản ấn hành của Paṭṭhāna có tổng độ dài hơn 2.500 trang.

Norman, Kenneth Roy. Văn Học Pāli: Bao Gồm Kinh Điển Bằng Tiếng Prakrit Và Sanskrit Của Tất Cả Các Bộ Phái Phật Giáo Tiểu Thừa. Wiesbaden, Đức: Otto Harrassowitz, 1983.

Tác phẩm trình bày một cách thẩm quyền và kỹ lưỡng về Tam tạng Theravāda, các bản chú giải và văn học hậu kỳ. Bảy bộ A-tì-đàm được bàn luận về cấu trúc và nội dung tổng quát (trang 96–107).

Nyanatiloka, Mahāthera. Hướng Dẫn A-Tì-Đàm Tạng: Bản Tóm Lược Về Tập Hợp Triết Học Trong Kinh Điển Pāli Phật Giáo. Kandy, Sri Lanka: Hội Xuất Bản Phật Giáo, 2007.

Hướng dẫn này tóm tắt bảy bộ A-tì-đàm trong truyền thống Theravāda. Phần đầu bao gồm bản dịch và giải thích bảng mātikā nằm ở đầu bộ Dhammasaṅgaṇi, vốn là khung sườn chính cho việc phân loại và phân tích mọi hiện tượng.

Potter, Karl H., chủ biên. Phật Giáo A-Tì-Đàm Giai Đoạn Trước Năm 150 Tây Lịch. Với sự cộng tác của Robert E. Buswell Jr., Padmanabh S. Jaini và Noble Ross Reat. Encyclopedia of Indian Philosophies, Tập 7. Delhi: Motilal Banarsidass, 1996.

Tập sách này bao gồm các bản tóm lược của bảy bộ A-tì-đàm trong hai tạng Theravāda và Sarvāstivāda.

Takakusu, Junjirō. "Về Văn Học A-Tì-Đàm Của Phái Nhất Thiết Hữu Bộ." Trong tạp chí của Pali Text Society 5 (1904–1905): 67–146.

Phần lớn bài viết này trình bày mô tả phân tích về bảy bộ luận A-tì-đàm của phái Nhất thiết hữu bộ. Nội dung của từng bộ luận được trình bày theo lối bảng biểu, vừa cô đọng vừa dễ hiểu.

Các Bộ Chú Giải Trong Truyền Thống Theravāda

Truyền thống Theravāda ghi nhận rằng ngài Buddhaghosa đã biên soạn ba bộ chú giải (aṭṭhakathā) cho bảy bộ A-tì-đàm tạng. Ngài viết riêng từng bộ chú giải cho Dhammasaṅgaṇi và Vibhaṅga, với nhan đề tương ứng là Atthasālinī và Sammohavinodanī. Với năm bộ A-tì-đàm còn lại, ngài gộp chung lại và viết thành một bộ chú giải duy nhất, đặt tên là Pañcappakaraṇaṭṭhakathā (Chú giải năm bộ luận). Hiện có ba bộ chú giải này đã được dịch sang tiếng Anh:

(1) Atthasālinī được Tin dịch năm 1999,

(2) Sammohavinodanī do Tỳ-kheo Ñāṇamoli dịch trong giai đoạn 1987–1991,

(3) và chú giải Kathāvatthu do Law dịch năm 1940.

Từ điển của Buswell và Lopez (2013) có các mục từ về chú giải của ngài Buddhaghosa. Goonesekere (1967) bàn về lịch sử và phân loại các chú giải Pāli, còn Norman (1983) phân tích quá trình phát triển và phạm vi của truyền thống chú giải Pāli.

Buswell, Robert E., Jr., và Donald S. Lopez Jr. Từ Điển Phật Học Princeton. Princeton, NJ và Oxford: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2013.

Từ điển này có các mục từ hướng dẫn về các bộ chú giải Pāli.

Goonesekere, Lakshmi R. Văn Học Chú Giải Phật Giáo. Kandy, Sri Lanka: Hội Ấn hành Phật giáo, 1967.

Sách phác họa lịch sử và đặc điểm của các bộ chú giải trên Tam tạng Pāli. Phần đầu bàn về cách hiểu thuật ngữ aṭṭhakathā tại Tích Lan. Sau đó, tác giả đề cập đến các bộ chú giải cổ bằng tiếng Sinhala và Dravidian, rồi đến các tác phẩm của Buddhaghosa, Dhammapāla và các vị chú giải quan trọng khác.

Law, B. C., dịch. Kathāvatthuppakaraṇa: Chú Giải Về Các Cuộc Tranh Luận. Oxford: Hội Pāli Văn, 1940.

Đây là chú giải của ngài Buddhaghosa cho bộ Kathāvatthu. Văn bản này rất quan trọng trong việc làm sáng tỏ nhiều đoạn tối nghĩa trong Kathāvatthu và xác định tên các bộ phái từng giữ những quan điểm gây tranh luận.

Ñāṇamoli, Bhikkhu, dịch. Sammohavinodanī: Kẻ Xua Tan Mê Lầm. Hiệu đính bởi Lance Cousins, Nyanaponika Mahāthera và C. M. M. Shaw. 2 tập. Oxford: Hội Pāli Văn, 1987–1991.

Đây là chú giải của Buddhaghosa cho bộ Vibhaṅga. Tác phẩm gồm mười tám chương, mở đầu bằng phần giảng giải năm uẩn. Các chủ đề

khác bao gồm thiền định, con đường tu tập và giới luật. Trong tác phẩm này, Buddhaghosa trình bày đầy đủ về thuyết duyên khởi, có lẽ là phần giải thích chi tiết nhất về thuyết này trong toàn bộ văn học A-tì-đàm. Tập một xuất bản năm 1987, tập hai năm 1991.

Norman, Kenneth Roy. Văn Học Pāli: Bao Gồm Kinh Điển Bằng Tiếng Prakrit Và Sanskrit Của Tất Cả Các Bộ Phái Phật Giáo Tiểu Thừa. Wiesbaden, Đức: Otto Harrassowitz, 1983.

Các chú giải của Buddhaghosa cho bảy bộ A-tì-đàm được phân tích phê bình trong các trang 122–125.

Tin, Pe Maung, dịch. Atthasālinī: Người Luận Giải. 2 tập. Oxford: Hội Pāli Văn, 1999.

Đây là chú giải của Buddhaghosa cho bộ Dhammasaṅgaṇi. Phần đầu sách, ngài Buddhaghosa mạnh mẽ bảo vệ quan điểm của phái Theravāda cho rằng bảy bộ A-tì-đàm do chính Đức Phật thuyết giảng, được truyền lại cho ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), rồi tiếp nối qua hàng truyền thừa các vị thầy A-tì-đàm. Chương ba của bộ chú giải này trình bày toàn diện về nghiệp (kamma). Ấn bản đầu tiên xuất bản năm 1920 và 1921.

Các Bộ Chú Giải Trong Truyền Thống Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda)

Các vị luận sư của phái Nhất thiết hữu bộ không biên soạn một hệ thống chú giải riêng biệt cho các bộ A-tì-đàm tạng của họ. Thay vào đó, họ soạn thảo ba tập luận tổng hợp, trong đó Đại Tỳ-bà-sa luận (Abhidharma-Mahāvibhāṣā) là bộ lớn nhất và quan trọng nhất. Bộ luận này được biên tập tại vùng Kashmir và hiện chỉ còn bản dịch Hán văn. Tác phẩm được cho là chú giải của bộ luận chính yếu trong A-tì-đàm tạng của Hữu bộ, đó là Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ A-tì-đàm tâm luận (Jñānaprasthāna) do ngài Ca-chiên-diên tử (Kātyāyanīputra) trước tác. Ichimura (1996) cung cấp một bản tóm lược chi tiết về Đại Tỳ-bà-sa luận, trong khi Buswell và Lopez (2013) phác thảo cấu trúc của tác phẩm này. Một số phần được tuyển dịch sang tiếng Pháp và tiếng Anh có thể tìm thấy trong các công trình của La Vallée Poussin (1930, 1931–1932, 1936–1937) và Rahder (1931–1932).

Buswell, Robert E., Jr., và Donald S. Lopez Jr. Từ Điển Phật Học Princeton. Princeton, NJ và Oxford: Nhà xuất bản Đại học Princeton, 2013.

Từ điển này trình bày tổng quan sâu sắc về lịch sử và cấu trúc của Mahāvibhāṣā. Xem mục từ: Abhidharmamahāvibhāṣā.

Ichimura, Shohei. “Mahāvibhāṣā.” Trong Phật giáo A-tì-đàm đến năm 150 Tây lịch, do Karl H. Potter chủ biên, cùng Robert E.

Buswell Jr., Padmanabh S. Jaini và Noble Ross Reat. Bách khoa thư Triết học Ấn Độ, Tập 7. Delhi: Nhà xuất bản Motilal Banarsidass, 1996.

Bản tóm lược này trình bày khá chi tiết các chủ đề chính trong Mahāvibhāṣā (trang 511–568).

La Vallée Poussin, Louis de. "Documents d'Abhidharma: Textes relatifs au nirvāṇa et aux asaṃskṛtas en général." Tập san của Trường Viễn Đông Bác Cổ 30 (1930): 1–28, 247–298.

Phần trình bày về bản chất của niết-bàn và các pháp vô vi, phần lớn dựa trên bản dịch từ Mahāvibhāṣā và Nyāyānusāra của ngài Tăng-già-bạt-đà-la (Saṅghabhadra).

La Vallée Poussin, Louis de. "Documents d'Abhidharma: La doctrine des refuges, le corps de l'arhat." Hợp tuyển Hoa Hán và Phật giáo 1 (1931–1932): 65–127.

Nghiên cứu về Quy Y Tam Bảo có trích dịch từ Mahāvibhāṣā và Nyāyānusāra.

La Vallée Poussin, Louis de. "Documents d'Abhidharma: La controverse du temps; Les deux, les quatre, les trois vérités." Hợp tuyển Hoa Hán và Phật giáo 5 (1936–1937): 7–187.

Trình bày các tranh luận về sự tồn tại của ba thời, cũng như hai, bốn và ba chân lý, chủ yếu được dịch từ Mahāvibhāṣā và Nyāyānusāra.

Mahāvibhāṣā. Trong Tạng Đại Chánh Tân Tu (Taishō Shinshū Daizōkyō), do Junjirō Takakusu, Kaigyoku Watanabe và Genmyō Ono biên tập. 100 tập. Tokyo: Công ty Cổ phần Xuất bản Đại Tạng (Daizō Shuppan Kabushiki Kaisha), 1924–1934, số 1545.

Như đã trình bày trong đoạn mở đầu, bộ luận đồ sộ này gồm 200 quyển (chüan), hiện chỉ còn bản dịch Hán văn được thực hiện vào thế kỷ 7 bởi ngài Huyền Trang và nhóm dịch giả của ngài.

Rahder, Johannes. "Le satkāyadṛṣṭi d'après Vibhāṣā." Hợp tuyển Hoa Hán và Phật giáo 1 (1931–1932): 227–239.

Phần trình bày về tà kiến về thân kiến (satkāyadṛṣṭi) có trích dịch từ Mahāvibhāṣā.

Các Bản Tóm Lược A-tì-đàm

Bảy bộ luận A-tì-đàm, với tư cách là tác phẩm văn học, vốn súc tích, hàm súc, cô đọng và được trình bày theo lối hệ thống hóa khái quát. Vì các bộ luận này dài và khó tiếp cận, nên đã phát sinh nhu cầu biên soạn các bản trình bày ngắn gọn hơn nhưng vẫn toàn diện, có bố cục rõ ràng theo chủ đề, nhằm giúp hành giả và học giả tiếp cận giáo lý A-tì-đàm dễ

dàng hơn. Từ nhu cầu đó, nhiều tác phẩm được hình thành với các nhan đề khác nhau nhưng về bản chất đều là các bản tóm lược A-tì-đàm. Sự xuất hiện của những bộ luận tóm lược này cũng phản ánh giai đoạn phát triển tiếp theo trong tiến trình hệ thống hóa giáo lý và hành trì A-tì-đàm.

Cả hai truyền thống Theravāda và Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda) đều có những bộ luận tóm lược quan trọng. Một số tác phẩm trở nên đặc biệt nổi tiếng, như Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga) của ngài Buddhaghosa và A-tì-đàm Câu-xá Luận (Abhidharmakośa) của ngài Thế Thân (Vasubandhu).

Các Bản Tóm Lược A-tì-đàm Trong Truyền Thống Theravāda

Dưới đây là các tác phẩm tóm lược tiêu biểu thuộc truyền thống Theravāda, đã được dịch sang tiếng Anh. Theo trình tự thời gian tương đối của các tác giả, có thể sắp xếp như sau: Upatissa, Buddhaghosa, Anuruddha, Sumangala và Khema.

- **Upatissa. Vimuttimagga.** Dịch bởi N. R. M. Ehara, Soma Thera và Kheminda Thera. Con đường giải thoát của vị A-la-hán Upatissa. Colombo, Sri Lanka: Saman, 1961.
  Tác giả và niên đại của ngài Upatissa (hay Upatiṣya) không xác định rõ. Tác phẩm hiện còn dưới dạng bản dịch Hán văn, thường được biết đến với tên gọi giả định bằng Pāli. Trong tiếng Sanskrit, tên gọi tương đương là Vimuktimārga. Có niên đại xác định vào thế kỷ thứ 5. Tác phẩm gồm mười hai chương, trình bày con đường tu học theo ba môn học: giới, định, tuệ.

- **Buddhaghosa. Visuddhimagga.** Dịch bởi Tỳ-kheo Ñāṇamoḷi. The Path of Purification. Kandy, Sri Lanka: Buddhist Publication Society, 1956.
  Đây là một trong những bản tóm lược toàn diện và xuất sắc nhất của truyền thống Theravāda, trình bày đầy đủ giáo lý và thực hành được rút ra từ Tam tạng. Cấu trúc của tác phẩm gồm ba phần tương ứng với ba môn học: phần một nói về tịnh giới, phần hai là tịnh chỉ (thiền định), phần ba là tịnh tuệ.

- **Anuruddha. Abhidhammattha-saṅgaha.** Dịch bởi Đại đức Nārada. A Manual of Abhidhamma: Being Abhidhammattha Saṅgaha of Bhadanta Ācariya Anuruddha. Colombo, Sri Lanka: Buddhist Publication Society, 1956.
  Bản dịch này được Tỳ-kheo Bodhi hiệu đính lại trong ấn bản năm 1993.

- **Anuruddha. Abhidhammattha-saṅgaha.** Hiệu đính bởi Tỳ-kheo Bodhi. A Comprehensive Manual of Abhidhamma: The Abhidhammattha Saṅgaha of Ācariya Anuruddha. Kandy, Sri

Lanka: Buddhist Publication Society, 1993.
Đây là bản hiệu đính của ấn bản năm 1956. Dù niên đại và quê quán của ngài Anuruddha chưa rõ, một số học giả cho rằng ngài sống vào thế kỷ 11. Tác phẩm này trình bày trọn vẹn hệ thống giáo lý A-tì-đàm, thường được xem như giáo trình nhập môn A-tì-đàm trong truyền thống Theravāda. Kèm theo đó là sách hướng dẫn văn bản do Rewata Dhamma và Tỳ-kheo Bodhi biên soạn.

- **Sumangala. Abhidhammatthavibhāvinī.** Dịch bởi R. P. Wijeratne và R. Gethin. Summary of the Topics of Abhidhamma (Abhidhammatthasaṅgaha) by Anuruddha. Exposition of the Topics of Abhidhamma (Abhidhammatthavibhāvinī) by Sumangala. London: Pali Text Society, 2002.
  Ấn phẩm này bao gồm hai văn bản: bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Anuruddha và chú giải Abhidhammatthavibhāvinī của Sumangala. Tác phẩm của Sumangala trình bày chi tiết và sáng tỏ nội dung bản tóm lược của Anuruddha.

- **Khema. Nāmarūpasamāso.** Dịch bởi Hammalava Saddhātissa. Summary of Mind and Matter, Tạp chí của Hội Pāli Văn số 11 (1987): trang 7–31.
  Tác phẩm của ngài Khema được cho là thuộc thế kỷ 10 hoặc 11. Đây là một cẩm nang ngắn gọn trình bày tóm lược các phạm trù A-tì-đàm liên quan đến danh và sắc. Tác phẩm của Khema và Anuruddha, cùng với bảy tác phẩm khác, tạo thành nhóm được biết đến tại Miến Điện với tên gọi "các luận ngón tay út" – ám chỉ các văn bản nhỏ gọn nhưng thực dụng.

Các Bản Tóm Lược A-tì-đàm Trong Truyền Thống Nhất Thiết Hữu Bộ

Bên cạnh ba bộ Tỳ-bà-sa được biên soạn tại Kashmir, còn có một số tác phẩm A-tì-đàm của Hữu bộ phát sinh từ vùng văn hóa Gandhāra. Các vị luận sư từ khu vực này phát triển một hệ thống giáo lý A-tì-đàm mang màu sắc riêng. Một số học giả gọi các tác phẩm xuất phát từ vùng Gandhāra là văn bản "hṛdaya" (nghĩa là "tâm yếu"), vì trong nhan đề thường có chữ này. Theo trình tự thời gian ước đoán, các luận sư Ấn Độ tiêu biểu gồm: Dharmaśrī, Ghoṣaka, Dharmatrāta, Vasubandhu, Saṅghabhadra, Skandhila và Yaśomitra.

- **Dharmaśrī.** Dịch bởi Willemen, 2006. Đây là một trong những bộ luận sớm nhất trình bày hệ thống giáo lý A-tì-đàm của Hữu bộ theo chủ đề rõ ràng.

- **Ghoṣaka.** Dịch bởi Broeck, 1977. Tác phẩm này cũng trình bày hệ thống giáo lý A-tì-đàm một cách logic và mạch lạc.

- **Dharmatrāta.** Dịch bởi Dessein, 1999. Có cấu trúc tương tự tác phẩm của Dharmaśrī nhưng có dung lượng lớn hơn đáng kể.
- **Skandhila.** Dịch bởi Dhammajoti (2008) và Velthem (1997). Tác phẩm trình bày rõ học thuyết về pháp (dharma) trong Hữu bộ.
- **Vasubandhu.** Abhidharmakośa, hiệu đính bởi Pradhan, 1967. Đây là đỉnh cao giáo lý A-tì-đàm của Hữu bộ tại Ấn Độ. Các thế hệ sau không viết thêm các bộ luận mới, mà chỉ chú giải bộ này.
- **Yaśomitra.** Chú giải Abhidharmakośa, 1932–1936, được Anacker tóm lược trong Buddhist Philosophy from 350 to 600 A.D., Encyclopedia of Indian Philosophies, Tập 9, 2008.
- **Saṅghabhadra.** Nyāyānusāra, một phần được dịch bởi Cox, 1995. Tác phẩm này nhằm bảo vệ quan điểm chính thống của Hữu bộ trước các lập luận của Vasubandhu trong Abhidharmakośa.
- **Mejor, Marek.** Studies on the Commentaries of Vasubandhu's Abhidharmakośa, 1991. Phân tích các chú giải về Abhidharmakośa.

Anacker, Stefan. "Sphuṭārthābhidharmakośavyākhyā." Trong Triết học Phật giáo từ năm 350 đến 600 Tây lịch, do Karl H. Potter chủ biên. Bách khoa thư Triết học Ấn Độ, Tập 9. Delhi: Motilal Banarsidass, 2008.

Trong phần hai của tập sách này, Anacker trình bày bản tóm lược khá chi tiết về Sphuṭārthābhidharmakośavyākhyācủa ngài Yaśomitra (trang 565–593).

Dharmaśrī. Abhidharmahṛdaya. Dịch bởi Charles Willemen. Tinh yếu của Pháp học: Abhidharmahṛdaya T1550. Ấn bản hiệu đính. Delhi: Motilal Banarsidass, 2006.

Theo giới học thuật, niên đại của ngài Dharmaśrī (hay Dharmaśreṣṭhin) nằm trong khoảng từ thế kỷ 1 TCN đến thế kỷ 2 SCN. Tác phẩm Abhidharmahṛdaya là một trong những bản trình bày hệ thống hóa sớm nhất về A-tì-đàm của Hữu bộ. Bản gốc chỉ còn lại dưới hình thức Hán dịch, gồm 250 bài tụng tóm lược kèm theo chú giải. Nội dung bao gồm các chủ đề như nghiệp, phiền não, trí tuệ và thiền định. Bản dịch tiếng Pháp bởi I. Armelin, Le Cœur de la Loi Suprême: Abhidharmahṛdayaśāstra, Paris: Paul Geuthner, 1978.

Dharmatrāta. Saṃyuktābhidharmahṛdaya. Dịch bởi Bart Dessein. Saṃyuktābhidharmahṛdaya: Tâm yếu Pháp học kèm phụ lục tạp lược.Tủ sách Truyền thống Phật giáo 33–35. Delhi: Motilal Banarsidass, 1999.

Ấn phẩm gồm ba phần:

(1) phần một (hơn 700 trang) là phần giới thiệu và bản dịch tác phẩm của Dharmatrāta;

(2) phần hai là các chú giải phong phú cho phần một;

(3) phần ba gồm mục lục, thuật ngữ và thư mục tham khảo.

Bộ luận này mở rộng tác phẩm của Dharmaśrī, gồm 596 bài tụng và chú giải, được chia thành mười một chương theo chủ đề.

Ghoṣaka. Abhidharmāmṛtarasa. Dịch và chú giải bởi José van den Broeck. Vị cam lộ của A-tì-đàm (A-p'i-t'an Cảm Lộ Vị Luận): Bản Hán dịch của Amṛtarasa của Ghoṣaka (T1553). Ấn phẩm của Viện Đông phương học Louvain, Tập 15. Louvain-la-Neuve, Bỉ: Viện Đông phương học, 1977.

Niên đại và quê quán của Ghoṣaka chưa rõ, nhưng có thể ngài sống vào thế kỷ 2 và biên soạn tác phẩm tại vùng Gandhāra. Bản dịch Hán được thực hiện vào thế kỷ 3 SCN. Phần giới thiệu phân tích một số chủ đề tiêu biểu. Tác phẩm này bao quát toàn bộ hệ thống giáo lý A-tì-đàm.

Mejor, Marek. Vasubandhu's Abhidharmakośa and the Commentaries Preserved in the Tanjur. Stuttgart: Franz Steiner Verlag, 1991.

Công trình này nghiên cứu tiểu sử và trước tác của ngài Thế Thân (Vasubandhu), đồng thời phân tích nội dung và học thuyết của chín bộ chú giải về Abhidharmakośa được bảo tồn trong Tạng văn.

Saṅghabhadra. Nyāyānusāra. Dịch bởi Collett Cox. Các pháp gây tranh luận: Những học thuyết sơ kỳ của Phật giáo về hiện hữu – Bản dịch có chú giải phần nói về các pháp không tương ưng với tâm trong Nyāyānusāra của Saṅghabhadra. Tập san Nghiên cứu Ngữ văn Phật học, Bộ chuyên khảo số 11. Tokyo: Viện Nghiên cứu Phật học Quốc tế, 1995.

Đây là bản dịch một phần của bộ luận nhằm khẳng định lập trường chính thống của phái Vaibhāṣika thuộc Nhất thiết hữu bộ, đồng thời bác bỏ quan điểm của Kinh lượng bộ (Sautrāntika) như được ghi lại trong Abhidharmakośabhāṣya của Vasubandhu. Phần dịch liên quan đến mười bốn pháp không tương ưng với tâm (cittaviprayukta-dharma). Ngoài ra, Cox còn trình bày phần dẫn nhập sâu sắc về nguồn gốc và phạm vi của các văn bản A-tì-đàm.

Skandhila. Abhidharmāvatāra. Dịch bởi Kuala Lumpur Dhammajoti. Bước vào Pháp tối thượng: Abhidharmāvatāra của Skandhila. Hồng Kông: Trung tâm Nghiên cứu Phật học, 2008.

Bản dịch từ Hán văn. Skandhila sống vào thế kỷ 5, được cho là một vị Vaibhāṣika từ vùng Kashmir. Tác phẩm hiện còn trong cả bản Hán và Tạng. Đây là bản tóm lược học thuyết về pháp của Hữu bộ. Năm chương đầu trình bày về các pháp hữu vi phân chia theo năm uẩn, các chương còn lại đề cập đến ba pháp vô vi. Bản dịch tiếng Pháp do Marcel van Velthem thực hiện: La Traité de la Descente dans la Profonde Loi: Abhidharmāvatāraśāstra. Ấn phẩm của Viện Đông phương học Louvain 16. Louvain-la-Neuve, Bỉ, 1977.

Vasubandhu. Abhidharmakośabhāṣya. Hiệu đính bởi Prahalad Pradhan. Abhidharmakośabhāṣya của Vasubandhu. Patna, Ấn Độ: Viện Nghiên cứu K. P. Jayaswal, 1967.

Tác phẩm này được ngài Vasubandhu biên soạn tại Ấn Độ vào cuối thế kỷ 4 hoặc đầu thế kỷ 5. Hiện còn bản Sanskrit gốc, cùng bản dịch Hán và Tạng. Cấu trúc tác phẩm mô phỏng theo luận của Dharmatrāta, gồm phần tụng gốc (kārikā) và phần tự chú giải (bhāṣya). Phái Vaibhāṣika chấp nhận phần tụng là đúng tinh thần Hữu bộ, nhưng chỉ trích phần chú giải là sai lệch giáo lý. Bản dịch tiếng Pháp do Louis de La Vallée Poussin: L'Abhidharmakośa de Vasubandhu: Traduction et Annotations, 6 tập, Paris: Paul Geuthner; Louvain: J. B. ISTAS, 1923–1931. Bản dịch tiếng Anh từ bản Pháp: Leo M. Pruden, Abhidharmakośabhāṣyam, 4 tập, Berkeley, CA: Asian Humanities Press, 1988–1990.

Yaśomitra. Sphuṭārthābhidharmakośavyākhyā. 2 tập. Hiệu đính bởi Unrai Wogihara. Sphuṭārthā: Abhidharmakośavyākhyā. Tokyo: Hội Xuất bản Abhidharmakośavyākhyā, 1932–1936.

Đây là chú giải duy nhất về Abhidharmakośa còn tồn tại dưới dạng bản Sanskrit gốc. Ngoài ra, đây cũng được xem là một bộ luận A-tì-đàm độc lập. Tác phẩm chưa được dịch ra các ngôn ngữ phương Tây. Xem Anacker (2008).

Tác phẩm Tham Khảo

Các nguồn tham khảo dưới đây cung cấp các mục từ đáng tin cậy về các chủ đề Abhidharma và thuật ngữ kỹ thuật. Trong số này, Encyclopedia of Buddhism do Malalasekera và Weeraratne biên tập (1961–2007) là bộ toàn diện nhất về văn học và giáo lý Abhidharma. Encyclopedia of Religion (Jones 2004) tuy phạm vi về Phật giáo hạn chế hơn, nhưng vẫn chứa nhiều mục liên quan đến giáo lý và các trường phái Abhidharma. Encyclopedia of Buddhism (Buswell 2003) cung cấp nhiều mục từ giá trị về văn học và trường phái Abhidharma. The Princeton Dictionary of Buddhism (Buswell & Lopez 2013) liệt kê nhiều mục về văn bản, khái niệm, trường phái và các vị luận sư liên quan đến Abhidharma. Buddhist Dictionary của Nyanatiloka (1980) tập trung vào thuật ngữ kỹ thuật lấy từ nguồn Pāli. Bộ Buddhism: Critical Concepts in

Religious Studies (Williams 2005) giúp tiếp cận 110 bài nghiên cứu, một số rất quan trọng cho việc học Abhidharma. Potter (1995) cung cấp thư mục toàn diện về văn bản và giáo lý Theravāda và Sarvāstivāda, còn các tập Potter 1996, 1999 và 2008 tóm tắt nhiều văn bản Phật giáo, bao gồm các tác phẩm quan trọng nhất của Abhidharma.

Buswell, Robert E., biên tập. Encyclopedia of Buddhism. New York: Macmillan, 2003.

Bách khoa này gồm khoảng 470 mục trong hơn 900 trang. Mặc dù phần Abhidharma không bao quát bằng các bộ của Malalasekera & Weeraratne hoặc Buswell & Lopez, nhưng vẫn có các mục chất lượng về Abhidharma, vũ trụ học, pháp, Hīnayāna, nghiệp, các trường phái Phật giáo chính, Sarvāstivāda và Theravāda.

Buswell, Robert E., Jr., và Donald S. Lopez Jr. The Princeton Dictionary of Buddhism. Princeton, NJ, và Oxford: Princeton University Press, 2013.

Từ điển gồm hơn 5.000 mục, dựa trên nguồn Pāli, Sanskrit, Hán, Tạng, Nhật và Hàn. Riêng về Abhidharma, có mục về toàn bộ bảy tác phẩm thuộc tạng Abhidhamma của Theravāda và Sarvāstivāda, các bản luận giải, luận sư, trường phái, và nhiều thuật ngữ chuyên môn.

Jones, Lindsay, biên tập. Encyclopedia of Religion. Tái bản lần 2, 16 tập. New York: Macmillan, 2004.

Bộ bách khoa này có nhiều mục liên quan đến Phật giáo. Tập 2 chứa phần khái quát vững chắc về lịch sử, văn học và giáo lý Phật giáo. Các chủ đề liên quan bao gồm: Phật giáo tại Ấn Độ, Đông Nam Á, Hīnayāna, triết học Phật giáo, cứu cánh học, Abhidharmapiṭaka, Sarvāstivāda, và Theravāda. Ấn bản đầu tiên do Mircea Eliade chủ biên, xuất bản năm 1997.

Malalasekera, G. P., và W. G. Weeraratne, biên tập. Encyclopedia of Buddhism. 8 tập. Chính phủ Sri Lanka, 1961–2007.

Tác phẩm bách khoa này được biên soạn trong 50 năm, cung cấp phạm vi bao quát về lịch sử, văn học, giáo lý Phật giáo và nhiều lĩnh vực khác. Đặc biệt mạnh về truyền thống Theravāda và Phật giáo sơ kỳ, nhưng cũng bao gồm nhiều mục từ về các truyền thống Phật giáo khác.

Nyanatiloka, Mahāthera. Buddhist Dictionary: Manual of Buddhist Terms and Doctrines. Kandy, Sri Lanka: Buddhist Publication Society, 1980.

Từ điển này bao gồm một phạm vi lớn các thuật ngữ kỹ thuật về giáo lý và thực hành Phật giáo. Các thuật ngữ được trình bày bằng tiếng Pāli và giải thích dựa trên các nguồn văn bản Pāli. Mục tiêu là trình bày rõ

ràng và dễ đọc các khái niệm cơ bản của Phật giáo. Ấn bản đầu tiên xuất bản năm 1950.

Potter, Karl H. Bibliography. Encyclopedia of Indian Philosophies. Tập 1, tái bản lần 3. Delhi: Motilal Banarsidass, 1995.

Thư mục khá toàn diện, bao gồm nhiều ấn phẩm về các chủ đề Abhidharma thuộc Theravāda và Sarvāstivāda. Bộ thư mục này liên tục được cập nhật và có thể truy cập trực tuyến.

Potter, Karl H., biên tập. Abhidharma Buddhism to 150 A.D. Với Robert Buswell, Padmanath Jaini và Noble Ross Reat. Encyclopedia of Indian Philosophies. Tập 7. Delhi: Motilal Banarsidass, 1996.

Phần một gồm các mục về sự phát triển của triết lý Abhidharma và một số khái niệm ban đầu. Phần hai tóm tắt 24 tác phẩm Abhidharma, bao gồm các luận thư thuộc tạng Abhidhamma của Theravāda và Sarvāstivāda.

Potter, Karl H., biên tập. Buddhist Philosophy from 100 to 350 A.D. Encyclopedia of Indian Philosophies. Tập 8. Delhi: Motilal Banarsidass, 1999.

Phần một có mục về con đường tu học của Phật giáo và các loại hiện tượng (pháp). Phần hai tóm tắt hơn 200 văn bản, bao gồm các tác phẩm của Vasubandhu và tác phẩm Nyāyānusāra của Saṅghabhadra.

Potter, Karl H., biên tập. Buddhist Philosophy from 350 to 600 A.D. Encyclopedia of Indian Philosophies. Tập 9. Delhi: Motilal Banarsidass, 2008.

Chương hai trong phần một bàn về các giai đoạn Abhidharma dẫn đến giải thoát. Phần hai tóm tắt gần 200 văn bản, bao gồm luận giải Abhidharmakośa-Sphuṭārthāvyākhyā của Yaśomitra.

Williams, Paul, biên tập. Buddhism: Critical Concepts in Religious Studies. 8 tập. London và New York: Routledge, Taylor and Francis Group, 2005.

Một số bài viết nổi bật gồm: Collins về ý niệm Kinh tạng; Cousins về văn học truyền khẩu và định nghĩa về thiền; Lamotte về tính xác thực và giải thích văn bản; Bechert về các bộ phái; Gethin về uẩn; Williams về bản thể luận Abhidharma; và nhiều bài khác về Patthāna, nibbāna, và Abhidhamma.

Nghiên Cứu Lịch Sử và Văn Bản về Các Luận Thư Abhidharma

Phần này giới thiệu một số sách và bài viết chuyên khảo về nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung của Tạng A-tì-đàm (Abhidharma

Piṭaka) cùng các văn bản liên quan.

- Frauwallner (1995) khảo cứu quá trình phát triển văn học và giáo lý của các tạng Abhidharma thuộc hai truyền thống Sarvāstivāda và Theravāda.
- Cox (1992) nghiên cứu nguồn gốc và sự hình thành văn học Abhidharma của phái Sarvāstivāda.
- Bronkhorst (2000) thảo luận về giáo lý Abhidharma của Sarvāstivāda.
- Watanabe (1954) đánh giá các cuộc tranh luận và bất đồng giáo lý giữa các vị luận sư Sarvāstivāda.
- Anālayo (2012) đánh giá truyền thuyết Đức Phật thuyết giảng Abhidharma tại cõi trời Tam Thập Tam.
- Anālayo (2014) đề xuất một cái nhìn mới về nguồn gốc của Tạng Abhidharma.
- Willemen cùng các tác giả (1998) khảo sát chi tiết lịch sử và văn học của phái Sarvāstivāda.
- Lamotte (1988) đánh giá các văn bản Abhidharma và phác thảo sự hình thành cũng như đặc điểm của các bộ phái sơ kỳ.
- Bareau (1951) phân tích các văn bản Abhidharma còn tồn tại hoặc từng tồn tại.
- Gethin (1992) tập trung vào các bảng liệt kê (mātikā), vốn là cốt lõi tinh yếu của các luận thư Abhidhamma.

Anālayo. "Giảng dạy A-tì-đàm tại cõi trời Ba Mươi Ba: Đức Phật và Thân Mẫu của Ngài." Tập san Trung tâm Nghiên cứu Phật học Oxford số 2 (2012): trang 9–35.

Tác phẩm khảo sát truyền thuyết Đức Phật thuyết giảng Abhidharma cho mẹ tại cung trời Tam Thập Tam. Tác giả phân tích sự phát triển và mục đích của truyền thuyết này, và kết luận rằng câu chuyện này được hình thành để củng cố tính chính thống của các luận thư Abhidharma.

Anālayo. Bình minh của A-tì-đàm. Nghiên cứu Phật học Hamburg, tập 2. Hamburg: Nhà xuất bản Đại học Hamburg, 2014.

Tác phẩm truy tìm nguồn gốc các luận thư Abhidharma. Tác giả cho rằng các giáo lý Abhidharma khởi nguồn từ một số công thức được lồng ghép vào trong Tạng Kinh, sau đó được tái cấu trúc một cách tài tình thành các luận thư và đặt dưới thẩm quyền của Đức Phật.

Bareau, André. "Les Sectes Bouddhiques du Petit Véhicule et leur Abhidharmapiṭaka." Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient

44.1 (1951): 1–11.

Tác giả bàn về các văn bản Abhidharma đầy đủ của Theravāda, Sarvāstivāda, và bộ luận gán cho ngài Xá-lợi-phất. Sau đó, ông xác định các bộ phái có hoặc có khả năng từng có tạng Abhidharma riêng, gồm Mahāsāṅghika, Dharmaguptaka, Haimavata và năm bộ phái khác.

Bronkhorst, Johannes. "Die buddhistische Lehre." In Der Buddhismus I: Der indische Buddhismus und seine Verzweigungen, 23–213. Stuttgart: Kohlhammer Verlag, 2000.

Khảo luận toàn diện về Phật giáo Ấn Độ, gồm ba phần:

(1) giáo lý trong các bài kinh,

(2) hệ thống hóa Abhidharma,

(3) và sự phát triển của Đại thừa.

Phần Abhidharma tập trung nhiều vào giáo lý Sarvāstivāda và thuyết pháp.

Cox, Collett. "Luận Thư Liên Mạch: Kinh điển và Lý luận trong Kinh viện Phật giáo Sơ kỳ." Trong Những đổi mới trong truyền thống tôn giáo: Tiểu luận về diễn giải sự thay đổi tôn giáo, do Michael A. Williams, Collett Cox và Martin S. Jaffee biên tập, trang 143–189. Berlin và New York: Mouton de Gruyter, 1992.

Nghiên cứu toàn diện về nguồn gốc và quá trình hình thành văn học Abhidharma của phái Sarvāstivāda. Tác giả trình bày sự phát triển theo ba giai đoạn:

(1) hình thành các luận thư,

(2) biên soạn văn bản tổng hợp,

(3) và xác lập tính chính thống.

Frauwallner, Erich. Nghiên cứu về Văn học A-tì-đàm và Nguồn gốc của các hệ thống triết học Phật giáo. Dịch giả: Sophie Francis Kidd. Albany: Nhà xuất bản Đại học Bang New York (SUNY Press), 1995.

Tập hợp các nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của các hệ thống luận thư và triết học Phật giáo. Theo ông, các luận thư Abhidhamma của Theravāda và Sarvāstivāda không được biên soạn cùng lúc mà phát triển theo thời gian.

Gethin, Rupert. "Các bảng liệt kê (mātikā): Ghi nhớ, Chánh niệm và Danh mục." Trong Tấm gương của ký ức: Những suy tư về Chánh niệm và Hồi tưởng trong Phật giáo Ấn Độ và Tây Tạng, do Janet Gyatso biên tập, trang 149–172. Albany: Nhà xuất bản Đại học Bang New York, 1992.

Bài viết phân tích vai trò của các bảng liệt kê mātikā trong truyền thống Abhidhamma. Tác giả cho rằng chúng là tinh yếu của pháp và đóng vai trò nền tảng trong việc phát triển luận thư và thiền định.

Lamotte, Étienne Paul Marie. Lịch sử Phật giáo Ấn Độ từ khởi nguyên đến thời đại Śaka. Dịch giả: Sara Webb-Boin. Louvain-la-Neuve: Viện Đông phương học, 1988.

Phần liên quan đến Abhidharma trong truyền thống Theravāda và Sarvāstivāda nằm ở các chương nói về sự hình thành tạng kinh và các bộ phái sơ kỳ (tr. 179–191 và chương 6, tr. 517–637). Bản gốc tiếng Pháp xuất bản năm 1958.

Watanabe, Baiyū. Ubu abidatsumaron no kenkyū. Tokyo: Heibonsha, 1954.

Nghiên cứu hàng đầu về các văn bản Abhidharma của phái Sarvāstivāda. Tác giả tập trung vào các bất đồng giáo lý giữa các nhóm luận sư: Kashmir, Gandhāra, phương Tây (pāścātya), và vùng ngoại biên (bahirdeśaka).

Willemen, Charles, Bart Dessein và Collett Cox. Kinh viện Phật giáo Nhất thiết hữu bộ. Cẩm nang Đông phương học, Phần hai: Ấn Độ, Tập 11. Leiden: Brill, 1998.

Tổng quan chi tiết về lịch sử và văn học của phái Sarvāstivāda. Chương 3 phân tích 7 bộ luận Abhidharma và các bộ tổng luận Vibhāṣā. Chương 4 xác định các luận thư phát xuất từ vùng Gandhāra. Thư mục đính kèm liệt kê nhiều công trình của các học giả Nhật Bản hiện đại.

Các Sách Hướng Dẫn Học Thuật và Nghiên Cứu Tổng Quát

Mục này bao gồm một tuyển chọn các công trình học thuật cung cấp nghiên cứu toàn diện hoặc tổng quát về các bộ luận A-tì-đàm và học thuyết của chúng.

- Karunadasa (2010) trình bày một nghiên cứu chi tiết về A-tì-đàm của Thượng tọa bộ.
- Ronkin (2005) tập trung vào khung triết học của A-tì-đàm Thượng tọa bộ.
- Nyanaponika (2010) phác thảo phạm vi triết học của Thượng tọa bộ và bàn về tổ hợp các tâm sở.
- Gorkom (2011) trình bày cách Thượng tọa bộ diễn giải về tâm và các tiến trình tâm lý.
- Skilton (2013) cung cấp cái nhìn sắc sảo về văn học và giáo lý A-tì-đàm.
- Dhammajoti (2009) thực hiện một nghiên cứu toàn diện về văn

học và giáo lý của A-tì-đàm Nhất thiết hữu bộ.

- Hirakawa (1990) đưa ra một cái nhìn tổng quan toàn diện về Phật giáo sơ kỳ tại Ấn Độ.
- Stcherbatsky (1979) trình bày một số khái niệm của Nhất thiết hữu bộ, đồng thời tập hợp các bảng phân loại pháp theo hệ thống của bộ phái này.

Dhammajoti, Kuala Lumpur. Abhidharma của Nhất thiết hữu bộ. Hồng Kông: Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo, 2009.

Cuốn sách dài hơn 500 trang này cung cấp khảo sát sâu rộng về lịch sử, văn học và giáo lý của Nhất thiết hữu bộ, dựa trên các tác phẩm thuộc truyền thống này và các nguồn liên quan. Gồm 16 chương, tác phẩm bàn về các luận thư, thuyết nhân duyên, thức, nghiệp và con đường giải thoát.

Gorkom, Nina van. Giới thiệu về A-tì-đàm. Luân Đôn: Zolag, 2011.

Cuốn sách hơn 40 trang này trình bày khái quát rõ ràng các nguyên tắc A-tì-đàm, tập trung vào các trạng thái tâm thức, phẩm chất đạo đức của chúng và quá trình thanh lọc tâm. Đây là bản tinh giản và tái cấu trúc từ cuốn A-tì-đàm trong đời sống hàng ngày (2009).

Hirakawa, Akira. Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Thích-ca Mâu-ni đến thời kỳ Đại thừa sơ khai. Dịch và biên tập bởi Paul Groner. Nghiên cứu châu Á tại Hawai'i số 36. Honolulu: Nhà xuất bản Đại học Hawai'i, 1990.

Tác phẩm trình bày lịch sử và giáo lý Phật giáo từ thời đức Phật đến sự hình thành các văn bản và học thuyết Đại thừa. Phần hai nói về sự phát triển của Phật giáo bộ phái, văn học A-tì-đàm, phân loại các pháp (dharma), vũ trụ luận và thuyết nghiệp.

Karunadasa, Y. A-tì-đàm Thượng tọa bộ: Cuộc khảo sát bản chất của hiện tượng duyên sinh. Hồng Kông: Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo, 2010.

Cuốn sách hơn 300 trang này trình bày toàn diện và mạch lạc A-tì-đàm Thượng tọa bộ, dựa trên các nguồn chính và phụ được chọn lọc. Gồm 18 chương chuyên đề, phân tích sâu về tâm, tâm sở, vật chất và các chủ đề liên hệ.

Nyanaponika, Thera. Nghiên cứu A-tì-đàm: Khám phá Phật giáo về Tâm thức và Thời gian. Biên tập bởi Tỳ-kheo Bodhi. Boston: Nhà xuất bản Wisdom, 2010.

Chương đầu khái quát triết học A-tì-đàm, chương hai nói về phương pháp phân tích và khảo sát tính duyên khởi. Hai chương tiếp dựa vào

Dhammasaṅgaṇi, bàn về hệ thống phân loại tâm sở. Phần mở đầu của Tỳ-kheo Bodhi giới thiệu tổng quan văn học và giáo lý A-tì-đàm. Xuất bản lần đầu năm 1949.

Ronkin, Noa. Siêu hình học Phật giáo sơ kỳ: Sự hình thành truyền thống triết học. Luân Đôn: Routledge-Curzon, 2005.

Tác phẩm đóng góp quan trọng cho nghiên cứu A-tì-đàm Thượng tọa bộ, gồm 5 chương:

(1) sự hình thành A-tì-đàm,

(2) thuyết pháp (dhamma),

(3) khái niệm tự tánh (svabhāva),

(4) tâm thức

(5) và thuyết nhân duyên.

Một bản tóm lược ngắn gọn hơn có trong mục “Abhidharma” của Từ điển Bách khoa Triết học Stanford (bản mùa thu 2014), do Edward N. Zalta biên tập, có thể tra cứu trực tuyến.

Skilton, Andrew. “Thượng tọa bộ.” Trong Sổ tay Triết học Phật giáo, biên tập bởi S. M. Emmanuel, trang 71–85. Tủ sách Đồng hành Triết học của Blackwell. Chichester, Vương quốc Anh: Wiley-Blackwell, 2013.

Tác giả trình bày tổng quan đầy đủ và sâu sắc về lịch sử, giáo lý và văn học Thượng tọa bộ. Các luận thư A-tì-đàm kinh điển và chú giải được trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Stcherbatsky, Theodor. Quan niệm trung tâm của Phật giáo và ý nghĩa của từ Dharma. Delhi: Motilal Banarsidass, 1979.

Tác phẩm trình bày ngắn gọn nhưng chặt chẽ các khái niệm trọng yếu của Nhất thiết hữu bộ, đồng thời phân loại chi tiết các pháp. Các nhóm pháp được giải thích riêng rẽ, cùng với luật nhân quả, nghiệp và thuyết nhận thức. Xuất bản lần đầu năm 1923.

Các Nghiên Cứu về Các Khái Niệm và Chủ Đề trong A-tì-đàm

Ngoài các cẩm nang và công trình tổng quát, có rất nhiều bài viết và sách chuyên khảo tập trung vào những khái niệm và chủ đề cụ thể, hầu hết liên quan đến nền tảng giáo lý A-tì-đàm.

- Gethin (2004) nghiên cứu thuật ngữ dhamma dựa trên các nguồn Pāli.
- Cox (2004) bàn về khái niệm và chức năng của từ dharma trong các nguồn của Nhất thiết hữu bộ.

- Boisvert (1995) nghiên cứu bản chất, chức năng và sự chuyển hóa nội tại của năm uẩn.
- Collins (1982) trình bày hình ảnh đa dạng về giáo lý Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của ngã (anattā).
- McDermott (1980) cho thấy các giải thích thời kỳ đầu về nghiệp và tái sinh đã từng gây tranh luận.
- Ryose (1987) thảo luận khái niệm nghiệp và các vấn đề liên quan dựa trên tư liệu của Nhất thiết hữu bộ.
- Cox (1993) lần theo sự phát triển trong cách hiểu về thuyết duyên khởi trong các văn bản A-tì-đàm của Nhất thiết hữu bộ.
- Karunadasa (1989) xác định khái niệm và phân loại sắc pháp theo các nguồn Thượng tọa bộ.
- Rospatt (2015) trình bày các học thuyết gây tranh cãi về thuyết sát-na, vốn được nêu rõ trong các kinh luận A-tì-đàm.

Boisvert, Mathieu. Năm Uẩn: Tìm Hiểu Tâm Lý Học và Cứu Cánh Học của Thượng Tọa Bộ. Waterloo, Canada: Nhà xuất bản Đại học Wilfrid Laurier, 1995.

Nghiên cứu này tập trung vào năm uẩn (khandha) và mối tương quan của chúng với thuyết duyên khởi. Chương đầu thảo luận khái niệm uẩn và phân biệt giữa năm uẩn thông thường và năm uẩn thủ. Năm chương tiếp theo phân tích từng uẩn riêng biệt, và chương cuối khảo sát sự tương quan nội tại và mối liên hệ với thuyết duyên khởi.

Collins, Steven. Những Con Người Vô Ngã: Hình Ảnh và Tư Duy trong Phật Giáo Thượng Tọa Bộ. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 1982.

Phần một và hai phân tích giáo lý vô ngã trong Thượng tọa bộ. Phần ba và bốn bàn về các khái niệm nhân cách, tái sinh và tính liên tục. Tác giả cho rằng đối với giới học giả Phật giáo, giáo lý anattā phản ánh một mô hình tự nhận thức và phân tích tâm lý phản ánh chân tướng thực tại.

Cox, Collett. "Thuyết Duyên Khởi: Sự Triển Khai trong Các Văn Bản A-tì-đàm Sơ Kỳ của Nhất Thiết Hữu Bộ." Trong Nghiên Cứu Triết Học Ấn Độ và Phật Giáo: Tuyển Tập Kỷ Niệm Giáo sư Alex Wayman, tr. 119–141. Delhi: Motilal Banarsidass, 1993.

Bài viết này tập trung vào sự phát triển trong cách giải thích thuyết duyên khởi (pratītyasamutpāda) trong các văn bản A-tì-đàm của Nhất thiết hữu bộ. Mở đầu bằng việc khảo sát ý nghĩa trong các bài kinh sớm, sau đó là diễn tiến tư tưởng trong A-tì-đàm.

Cox, Collett. "Từ Phân Loại đến Bản Thể: Vai Trò Biến Đổi của Pháp

trong A-tì-đàm của Nhất Thiết Hữu Bộ." Tạp chí Triết Học Ấn Độ 32 (2004): 543–597.

Bài viết nghiên cứu học thuyết và chức năng của thuật ngữ dharma trong các văn bản của Nhất thiết hữu bộ, đồng thời bàn về mối quan hệ của nó với các khái niệm như svabhāva (tự tính) và bhāva (hữu).

Dhammajoti, Kuala Lumpur. Các Học Thuyết và Tranh Luận A-tì-đàm về Tri Giác. Hồng Kông: Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo, 2007.

Trong khi Thượng tọa bộ gần như không có tranh luận về tiến trình nhận thức, các vị luận sư Nhất thiết hữu bộ lại có nhiều bất đồng gay gắt. Tác giả khảo sát các tranh cãi xoay quanh cấu trúc tri giác, các tâm sở liên quan và cách thức nhận biết thế giới bên ngoài.

Gethin, Rupert. "Ai Thấy Pháp Là Thấy Các Pháp: Khái Niệm Pháp trong Phật Giáo Nguyên Thủy." Tạp chí Triết Học Ấn Độ 32 (2004): 513–542.

Tác giả trình bày các ý nghĩa ban đầu của thuật ngữ dhamma: giáo pháp, chân lý, và trạng thái tâm–vật lý. Sau đó, bài viết khảo sát cách hiểu trong các chú giải Thượng tọa bộ và sự phát triển ý nghĩa theo dòng lịch sử Phật giáo.

Karunadasa, Y. Phân Tích Phật Giáo về Sắc Pháp. Singapore: Hội Nghiên cứu Phật học, 1989.

Tác phẩm trình bày chi tiết về sắc pháp (rūpa) trong ánh sáng của nguồn Thượng tọa bộ. Các chương lần lượt phân tích các yếu tố chính: tứ đại, sắc thứ cấp, và hệ thống phân loại sắc pháp.

McDermott, J. P. "Nghiệp và Tái Sinh trong Phật Giáo Sơ Kỳ." Trong Nghiệp và Tái Sinh trong Các Truyền Thống Ấn Độ Cổ Điển, biên tập bởi W. D. O'Flaherty, tr. 165–192. Berkeley và London: Nhà xuất bản Đại học California, 1980.

Bài viết khảo sát học thuyết về nghiệp và tái sinh thời kỳ đầu. Pudgalavāda cho rằng một "chúng sinh" (pudgala) tái sinh từ đời này sang đời khác. Thượng tọa bộ nêu ra thức tái sinh sinh khởi khi thụ thai, còn Nhất thiết hữu bộ chủ trương có giai đoạn trung ấm giữa cái chết và tái sinh.

Rospatt, Alexander von. Học Thuyết Sát-na trong Phật Giáo: Khảo Sát Nguồn Gốc và Giai Đoạn Sơ Khởi cho đến Vasubandhu. Tái bản. Berkeley, California: Viện Nghiên cứu Phật học và BDK America, 2015.

Nghiên cứu dựa trên văn bản về học thuyết sát-na của các pháp hữu vi và các đặc tính của chúng. Tác phẩm trình bày các lập trường của Nhất

thiết hữu bộ, Kinh lượng bộ, Thí dụ bộ và một số bộ phái thời kỳ đầu.

Ryose, Wataru. "Nghiên Cứu Tác Phẩm A-tì-đạt-ma Tâm Yếu: Sự Phát Triển Lịch Sử của Khái Niệm Nghiệp trong Tư Tưởng Nhất Thiết Hữu Bộ." Luận án Tiến sĩ, Đại học Wisconsin–Madison, 1987.

Phần một trình bày quá trình phát triển khái niệm nghiệp trong tư tưởng Nhất thiết hữu bộ. Phần hai bao gồm bản dịch và phân tích chương nói về nghiệp trong tác phẩm Abhidharmahṛdaya của Dharmaśrī, cùng phần chú giải rút từ tác phẩm của Dharmatrāta.

Các Nghiên Cứu về Chủ Đề Giải Thoát trong A-tì-đàm

Các luận thư A-tì-đàm và các văn bản liên quan không chỉ hệ thống hóa và củng cố giáo lý của Đức Phật, mà còn thấm đẫm chiều kích và mối quan tâm đến vấn đề giải thoát. Lĩnh vực cứu cánh học Phật giáo rất rộng lớn, và danh sách ấn phẩm được chọn lọc dưới đây chỉ là một phần nhỏ trong kho tư liệu hiện có.

- Collins (1998) cung cấp một nghiên cứu tổng quát về khái niệm và hình ảnh ẩn dụ của niết-bàn theo Thượng tọa bộ.
- Dhammajoti (2002) tập trung vào cách hiểu niết-bàn của Nhất thiết hữu bộ.
- Fuller (2005) phân tích khái niệm chánh kiến, yếu tố đầu tiên trong Bát chánh đạo.
- Bodhi (2006) phác thảo cốt lõi giáo lý của Bát chánh đạo (magga), phương tiện chính để đạt đến giải thoát.
- Gethin (2001) nghiên cứu chi tiết các yếu tố chính dẫn đến sự giác ngộ.
- Gunaratana (1988) trình bày các kỹ thuật thiền định thiết yếu để tiến bước trên con đường tâm linh.
- Cox (1992) khái quát con đường tu tập theo Nhất thiết hữu bộ.

Bodhi, Bhikkhu. Bát Chánh Đạo Cao Thượng: Con Đường Diệt Khổ. Kandy, Tích Lan: Hội Ấn Hành Phật giáo, 2006.

Chương đầu trình bày về bản chất khổ đau, nguyên nhân của khổ đau và sự đoạn diệt khổ đau. Bảy chương còn lại giải thích chi tiết Bát chánh đạo. Dựa trên các nguồn Thượng tọa bộ. Ấn bản đầu tiên xuất bản năm 1984.

Collins, Steven. Niết-bàn và Những An Lạc Khác của Phật Giáo. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 1998.

Một nghiên cứu mới mẻ về niết-bàn – trạng thái đạt được trong giai đoạn cuối của tu tập thiền định. Tác phẩm phân tích niết-bàn qua hệ thống phân loại và biểu tượng, đồng thời trình bày hình ảnh niết-bàn như một thực tại khách quan, vĩnh cửu, được A-tì-đàm xếp vào loại đối

tượng của ý căn và ý giới.

Cox, Collett. "Thành Tựu Thông Qua Sự Đoạn Trừ: Con Đường Loại Trừ Phiền Não của Nhất Thiết Hữu Bộ." Trong Những Con Đường Giải Thoát: Mārga và Sự Chuyển Hóa trong Tư Tưởng Phật Giáo, biên tập bởi Robert E. Buswell và Robert M. Gimello, tr. 63–105. Nghiên Cứu Phật Giáo Đông Á 7. Honolulu: Đại học Hawai'i, 1992.

Tác giả phân tích lý thuyết và thực hành của Nhất thiết hữu bộ về con đường dẫn đến sự đoạn tận phiền não. Sau phần giải thích đặc tính của phiền não là phần trình bày các giai đoạn của con đường tu tập. Mô tả đầy đủ về con đường này có trong chương sáu của A-tì-đạt-ma Câu-xá Luận.

Dhammajoti, Kuala Lumpur. "Quan Niệm về Niết-bàn của Nhất Thiết Hữu Bộ." Trong Nghiên Cứu Phật giáo và Ấn Độ học Kỷ Niệm Giáo sư Sodo Mori, biên tập bởi Ban Biên Tập, tr. 335–348. Hamamatsu, Nhật Bản: Hiệp hội Phật giáo Quốc tế, 2002.

Tác giả khảo sát niết-bàn theo các luận thư A-tì-đàm của Nhất thiết hữu bộ. Nhấn mạnh bản chất, tính thực tại và đặc điểm của niết-bàn như một trạng thái giải thoát. Theo trường phái này, niết-bàn (hay pratisaṃkhyā-nirodha) là một thực thể độc lập, mang tính bản thể, đạt được khi tất cả phiền não được đoạn trừ.

Fuller, Paul. Khái Niệm Diṭṭhi trong Phật Giáo Thượng Tọa Bộ: Quan Điểm. London và New York: Routledge-Curzon, 2005.

Có hai cách hiểu chính về "quan điểm":

(1) một là chỉnh sửa tà kiến,
(2) hai là đoạn trừ mọi kiến chấp.

Tác giả cho rằng cả hai cách đều chưa đầy đủ và cho thấy rằng trong các văn bản sớm, diṭṭhi biểu thị một thái độ vượt lên mọi quan điểm nhị nguyên.

Gethin, Rupert M. L. Con Đường Phật Giáo Đưa Đến Giác Ngộ: Nghiên Cứu về Các Pháp Hỗ Trợ Giác Ngộ (Bodhi-Pakkhiyā Dhammā). Oxford: One World, 2001.

Nghiên cứu văn bản về 37 pháp trợ đạo, được chia thành 7 nhóm, xem như tương đương với con đường giác ngộ. Tác giả khảo sát sự hình thành và nghiên cứu kỹ từng nhóm. Phần cuối trình bày về phiên bản của Nhất thiết hữu bộ. Bản gốc: Leiden, Hà Lan: Brill, 1992. Dựa trên luận án tiến sĩ tại Đại học Manchester năm 1987.

Gold, Jonathan C. Dọn Đường Lớn: Tư Tưởng Phật Giáo Hợp Nhất của Vasubandhu. New York: Nhà xuất bản Đại học Columbia, 2014.

Một nghiên cứu toàn diện về tư tưởng tôn giáo và triết học của ngài Vasubandhu, phân tích sâu sắc những đóng góp sáng tạo và phê phán của ngài đối với việc diễn giải giáo lý A-tì-đàm của Nhất thiết hữu bộ.

Gunaratana, Henepola. Thiền Chỉ (Jhāna) trong Thiền Định Phật Giáo Thượng Tọa Bộ. Kandy, Tích Lan: Hội Ấn Hành Phật giáo, 1988.

Một nghiên cứu đầy đủ về bốn thiền sắc và bốn thiền vô sắc. Dựa trên kinh điển Pāli và các chú giải, tác phẩm trình bày sự vận hành của các tầng thiền trong quá trình hướng đến giải thoát tối hậu (niết-bàn) và đề cập đến các loại thắng trí (abhiññā).